TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN
------- ------

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 18/10/2019.
V/v : "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------- ---------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Thái**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị G - sinh năm 1968. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1999. Có đơn xin xử vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17.7.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Giữa bà và bà Nguyễn Thị Thu T có quen biết với nhau. Ngày 05.12.2018, bà G cho bà T vay số tiền 37.000.000 đồng gốc, tiền lãi là 2.000.000 đồng; bà T hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà G 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Giữa hai bên có lập giấy vay tiền và do bà G giữ. Bà T có trả nợ cho bà G được 05 tháng tương đương số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 24.000.000 đồng. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà T

trả số tiền còn lại cho bà, nhưng bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác và không có thiện chí trả nợ. Nay bà G yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền 24.000.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 22.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà T thừa nhận có mượn tiền của bà Lê Thị G số tiền 25.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng. Bà T có trả tiền lãi cho bà G là 05 tháng là 12.500.000 đồng; trả tiền gốc là 15.000.000 đồng (05 tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng). Hiện nay bà T còn nợ tiền của bà G là 10.000.000 đồng, bà T không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng.

Ngoài ra, bà T còn khai: Bà G có rủ mẹ của bà T chơi 01 đầu huê, nhưng mẹ bà không chơi nên bà bắt bà T chơi huê mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà T hốt được 22.000.000 đồng, nhưng bà T không lấy mà bà G đã trừ nợ hết và còn bắt bà T mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng và đóng 11 tháng là 33.000.000 đồng. Trong số tiền gốc bà T trả cho bà G 15.000.000 đồng là bà G trừ trong phần huê bà T hốt. Bà T khai số tiền hốt huê được bà đã trả cho bà G 22.000.000 đồng, còn thiếu bà G 5.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng tiền huê chết, đóng 13 tháng thành 39.000.000 đồng và bà T đã đóng 05 tháng là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thời hạn thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua nghiên cứu, xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận. Lời khai của bị đơn trình bày về số tiền vay, việc trả lãi cũng như việc chơi huê nhưng không có chứng cứ để chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 24.000.000 đồng, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 24.000.000 đồng, bị đơn có địa chỉ tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, đây là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 24.000.000 đồng theo tờ giấy vay tiền lập ngày 05.12.2018. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của phía nguyên đơn thấy rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền lập ngày 05.12.2018, thể hiện: Bà Nguyễn Thị Thu T có vay của bà Lê Thị G số tiền 37.000.000 đồng + 2.000.000 đồng tiền lời, về phương thức trả là đóng 13 tháng mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, bị đơn còn hứa đóng bao giờ đủ 13 tháng là trả hết số tiền 39.000.000 đồng và cam kết hoàn trả số tiền nợ nếu sai thời hạn giao ước thì sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Quá trình giải quyết, nguyên đơn khai: Bị đơn có trả cho bà G được 05 tháng tương đương số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 24.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 22.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ còn lại, nhưng bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác và không có thiện chí trả nợ. Bị đơn chỉ thừa nhận có mượn tiền của bà G số tiền 25.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng. Bà T có trả tiền lãi cho bà G là 05 tháng là 12.500.000 đồng; trả tiền gốc là 15.000.000 đồng (05 tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng). Hiện nay bà T còn nợ tiền của bà G là 10.000.000 đồng, bà T không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng. Lời khai của bà T không được bà G chấp nhận.

Ngoài ra, bà T còn khai: Bà G có rủ mẹ của bà T chơi 01 đầu huê, nhưng mẹ bà không chơi nên bà bắt bà T chơi huê mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà T hốt được 22.000.000 đồng, nhưng bà T không lấy mà bà G đã trừ nợ hết và còn bắt bà T mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng và đóng 11 tháng là 33.000.000 đồng. Trong số tiền gốc bà T trả cho bà G 15.000.000 đồng là bà G trừ trong phần huê bà T hốt. Bà T khai số tiền hốt huê được bà đã trả cho bà G 22.000.000 đồng, còn thiếu bà G 5.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng tiền huê chết, đóng 13 tháng thành 39.000.000 đồng và bà T đã đóng 05 tháng là 15.000.000 đồng. Lời khai của bà T không được bà G chấp nhận, bà G không rủ bà T chơi huê, số tiền bà T trả 15.000.000 đồng là không phải tiền hốt huê, bà T cũng không có chứng cứ để chứng minh việc chơi huê với bà G. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Lê Thị G số tiền 22.000.000 đồng gốc.

Đối với số tiền lãi bà G yêu cầu bà T trả 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền thì hai bên có thỏa thuận số tiền lãi là 2.000.000 đồng cho số tiền vay 37.000.000 với thời hạn là 13 tháng và bà G khai chưa nhận tiền lãi của bị đơn, nên yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bà T phải trả số tiền lãi cho bà G 2.000.000 đồng là phù hợp. Tổng cộng số tiền bà T phải trả cho bà G là 24.000.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của bà T trình bày: Số tiền bà mượn của bà G 25.000.000 đồng thì bà về đưa cho mẹ bà mượn, bà đã trả cho bà G 15.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng bà T đưa qua cho mẹ bà, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy vay tiền lập ngày 05.12.2018 thể hiện bà T có vay tiền của bà G là 37.000.000 đồng gốc, còn bà T vay tiền của bà G về đưa cho mẹ bà mượn thì không liên quan đến nội dung vụ án, bà G khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ nên bà T phải trả số tiền nợ còn lại là 24.000.000 đồng cho bà G là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Lê Thị G số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị G số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022393 ngày 25.7.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày 19.10.2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18.10.2019). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn